CTCP Sông Đà 9 (HNX: SD9)

FireAnt

Ngày 31/03/2024	9,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	5.9%	**11.1%**	**8.4%**

ROE — 2023: **1.4%** — +/- YoY ▼ 0.5%

DT thuần — *Q1/24*: **112** *tỷ VNĐ* — QoQ ▼ 115 ▼ 50.6% — YoY ▲ 47.0 ▲ 72.4%

DT thuần — *2023*: **505** *tỷ VNĐ* — YoY ▼ 69.0 ▼ 12.0%

LN gộp — *Q1/24*: **43.5** *tỷ VNĐ* — QoQ ▲ 5.90 ▲ 15.8% — YoY ▲ 13.8 ▲ 46.5%

LN gộp — *2023*: **156** *tỷ VNĐ* — YoY ▼ 27.0 ▼ 14.5%

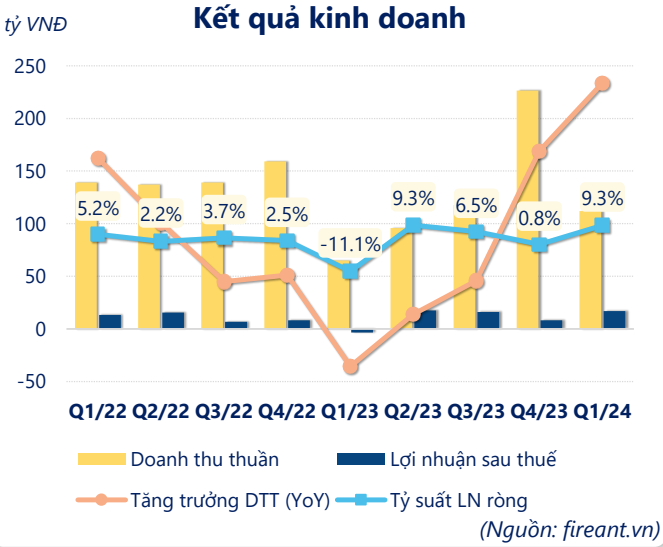
LN thuần — *Q1/24*: **20.3** *tỷ VNĐ* — QoQ ▲ 4.90 ▲ 32.1% — YoY ▲ 21.4 ▲ 1884%

LN thuần — *2023*: **52.2** *tỷ VNĐ* — YoY ▼ 10.6 ▼ 16.9%

LN sau thuế — *Q1/24*: **16.9** *tỷ VNĐ* — QoQ ▲ 8.82 ▲ 110% — YoY ▲ 20.2 ▲ 620%

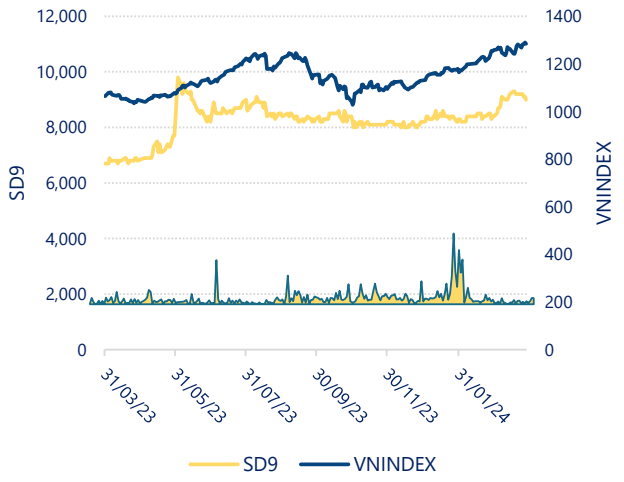
LN sau thuế — *2023*: **38.5** *tỷ VNĐ* — YoY ▼ 5.40 ▼ 12.4%

Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

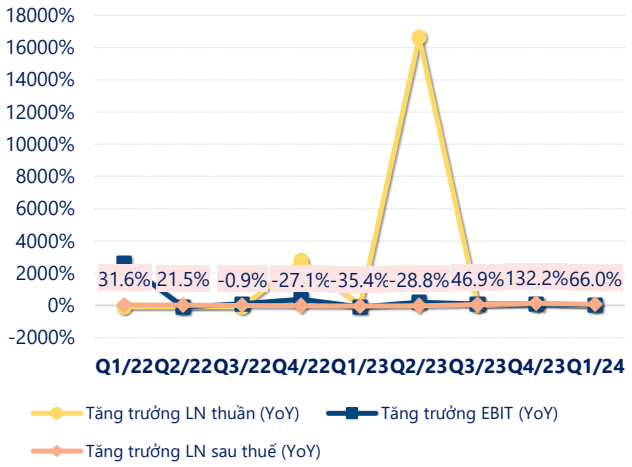
Lịch sử giá



CTCP Sông Đà 9 (HNX: SD9)

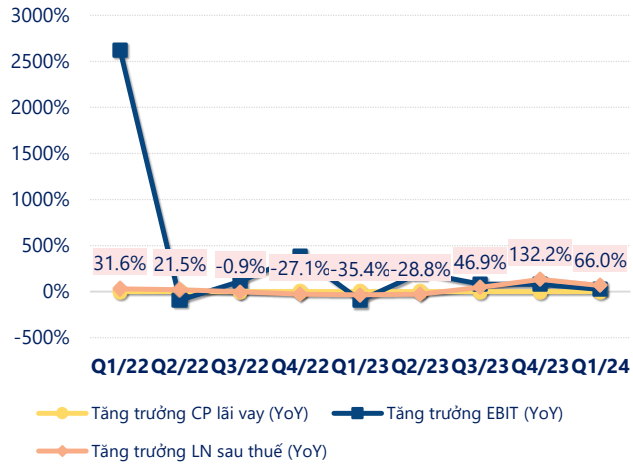
FireAnt

Tăng trưởng lợi nhuận



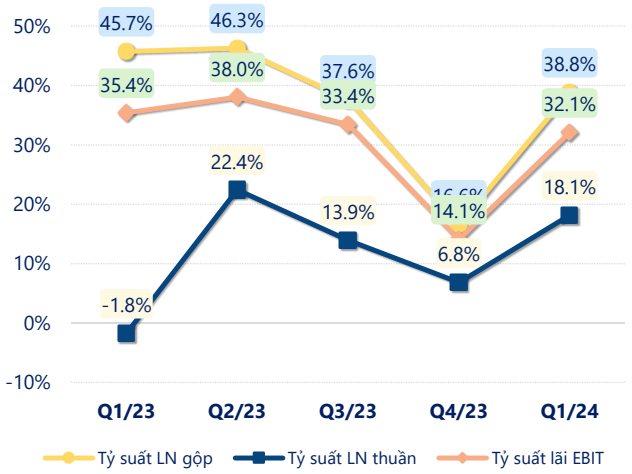
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



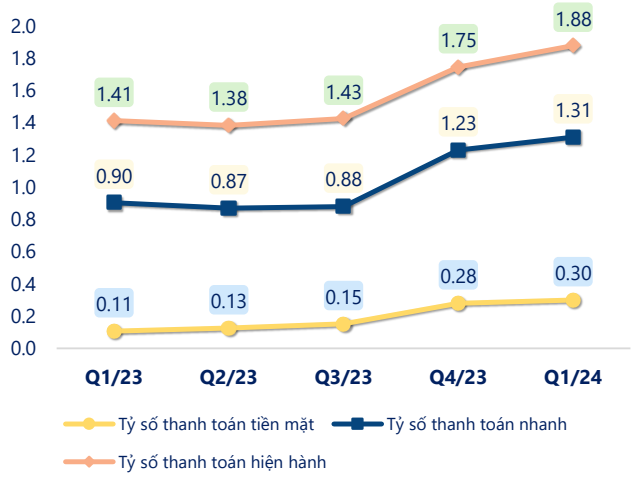
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



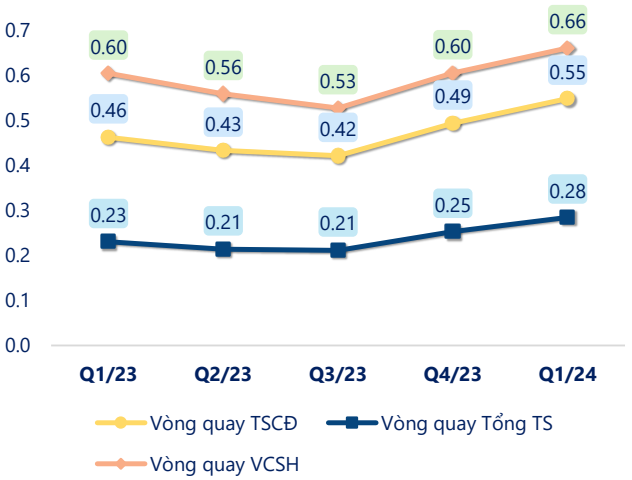
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



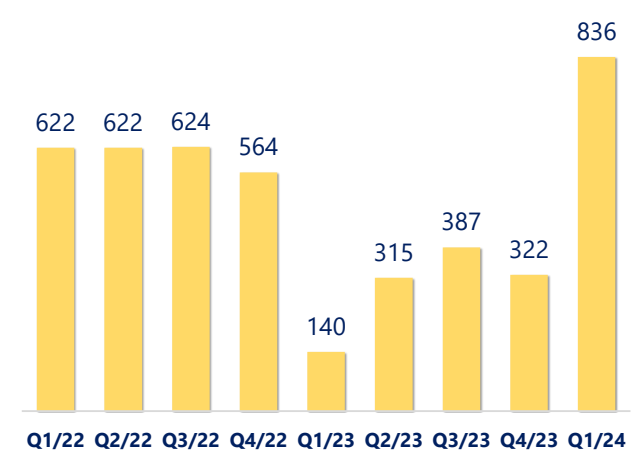
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS

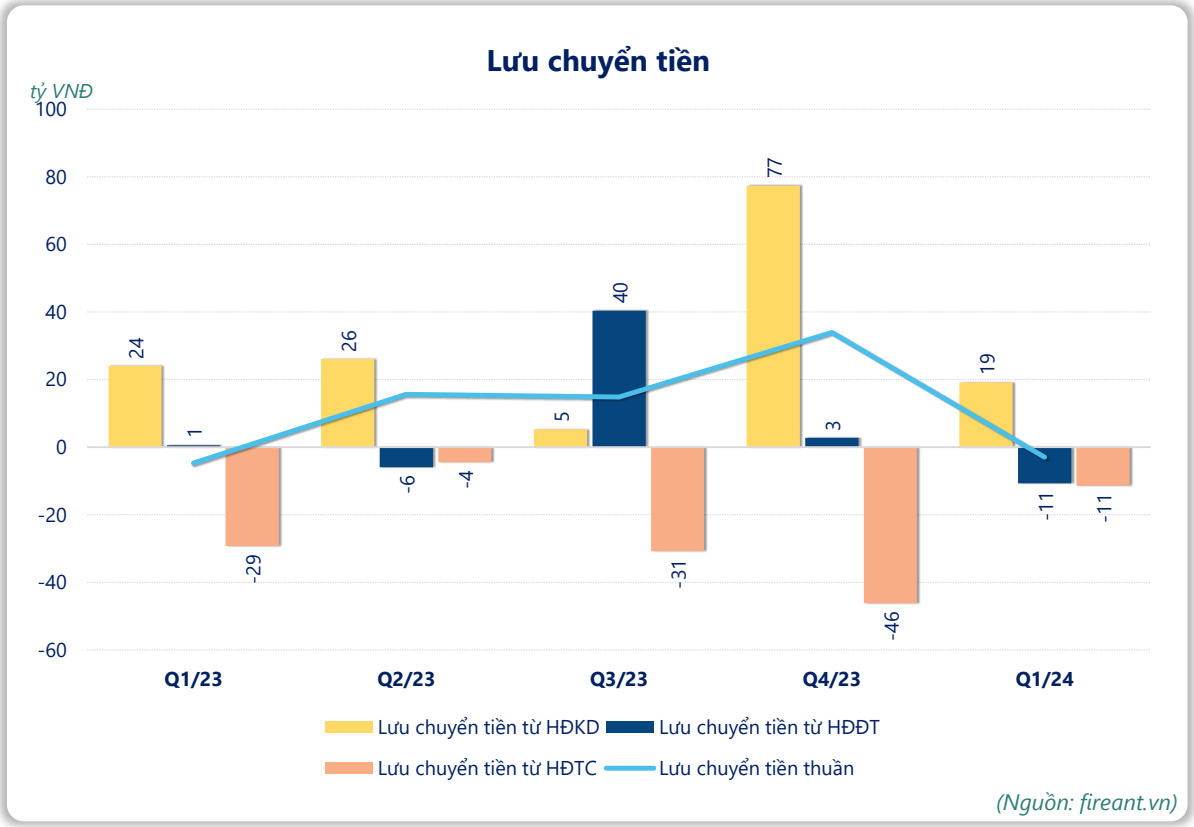


(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Sông Đà 9 (HNX: SD9)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**112**	**65.0**	**72.4%**	**505**	**574**	**-12.0%**
Giá vốn hàng bán	68.6	35.3	94.2%	349	392	-10.9%
Lợi nhuận gộp	43.5	29.7	46.5%	156	183	-14.5%
Doanh thu HĐTC	0.85	0.99	-13.7%	4.43	3.82	16.1%
Chi phí TC	15.7	24.3	-35.4%	77.3	81.7	-5.3%
Chi phí lãi vay	15.6	24.3	-35.6%	76.5	79.7	-4.0%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**8.35**	**7.60**	**9.9%**	**30.9**	**41.9**	**-26.2%**
LN thuần từ HĐKD	20.3	-1.14	1884%	52.2	62.8	-16.9%
Lợi nhuận khác	**-0.05**	**-0.11**	**55.3%**	**2.02**	**-4.27**	**147%**
LN trước thuế	20.3	-1.25	1723%	54.2	58.5	-7.4%
Lợi nhuận sau thuế	**16.9**	**-3.26**	**620%**	**38.5**	**43.9**	**-12.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**10.4**	**-7.23**	**243%**	**12.0**	**15.8**	**-24.5%**

(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)